

Mẫu số B01- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58,812,985,542	44,426,701,861
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,368,163,686	149,703,236
1. Tiền	111	V.1	2,368,163,686	149,703,236
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	5
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	0	0
1. Đầu tư ngắn hạn	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		0	0
III. Các khoản phải thu	130		15,852,231,046	24,218,460,634
1. Phải thu khách hàng	131		17,429,682,023	22,643,893,817
2. Trả trước cho người bán	132		146,454,000	2,834,085,651
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	0	1,816,427,309
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1,723,904,977)	(3,075,946,143)
IV. Hàng tồn kho	140		36,648,536,523	17,801,065,581
1. Hàng tồn kho	141	V.4	36,648,536,523	17,801,065,581
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,944,054,287	2,257,472,410
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	58,833,300
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,200,783,568	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.5	743,270,719	736,990,204
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		0	1,461,648,906
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		181,691,123,419	164,174,410,242
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.6	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.7	0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		140,557,725,901	123,534,224,059
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	134,465,703,212	99,877,290,572
Nguyên giá	222		169,388,218,570	131,100,545,248
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34,922,515,358)	(31,223,254,676)
2. Tài sản cố định thuê Tài chính	224	V.9	0	0
Nguyên giá	225		0	0
Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	12,000,000	18,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ: tổ 14, phường Quang Trung, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Cho năm tài chính

Điện thoại: 0351.851.035

Fax: 0351.855.296

kết thúc ngày 31/12/2013

Nguyên giá	228		48,000,000	48,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36,000,000)	(30,000,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V11	6,080,022,689	23,638,933,487
III. Bất động sản đầu tư	240	V12	0	0
Nguyên giá	241		0	0
Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		39,580,000,000	39,580,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		39,580,000,000	39,580,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V13	0	0
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,553,397,518	1,060,186,183
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1,553,397,518	1,060,186,183
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		240,504,108,961	208,601,112,103

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		128,383,461,175	98,291,207,788
I. Nợ ngắn hạn	310		111,991,461,175	79,291,207,788
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	99,439,515,946	70,154,624,682
2. Phải trả người bán	312		10,680,038,805	6,160,427,256
3. Người mua trả tiền trước	313		403,012,159	51,010,198
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	106,000,000	593,956,745
5. Phải trả người lao động	315		732,031,200	388,141,900
6. Chi phí phải trả	316	V.17	0	368,883,942
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	0	897,800,000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320		630,863,065	676,363,065
II. Nợ dài hạn	330*		16,392,000,000	19,000,000,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	16,392,000,000	19,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112,120,647,786	110,309,904,315
I. Vốn chủ sở hữu	410		112,120,647,786	110,309,904,315
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	116,900,000,000	116,900,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của các chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Địa chỉ: tổ 14, phường Quang Trung, thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Cho năm tài chính

Điện thoại: 0351.851.035

Fax: 0351.855.296

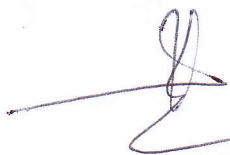
kết thúc ngày 31/12/2013

5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	0	0
7. Quý đầu tư phát triển	417	0	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	0	0
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	0	0
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(4,779,352,214)	(6,590,095,685)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0	0
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		0
2. Nguồn kinh phí	432	V.23	0
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	240,504,108,961	208,601,112,103

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	T.M	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài	24		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		0	0
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý		0	0
5. Ngoại tệ các loại		0	0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		0	0

Hà Nam, ngày 31 tháng 12 năm 2013

LẬP BIỂU**KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC**


Phạm Thị Thảo



Lâm Thị Thu Trang



Vũ Minh Thành

Địa chỉ: tổ 14, phường Quang Trung, thị xã Phú Lý, tỉnh
Hà Nam
Điện thoại: 0351.851.035 Fax:
0351.855.296

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 02- DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV năm 2013

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Quý IV/ 2013 VND	Quý IV/2012 VND	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	21,787,147,882	17,593,240,126	66,206,047,171	68,106,910,335
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	21,787,147,882	17,593,240,126	66,206,047,171	68,106,910,335
Giá vốn hàng bán	11	VI.28	15,846,471,182	19,530,777,683	47,142,230,778	56,762,092,492
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,940,676,700	-1,937,537,557	19,063,816,393	11,344,817,843
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	572,701	900,898	3,157,664	6,675,010
Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	2,890,153,221	2,586,258,483	8,780,902,478	9,258,319,390
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,890,153,221	2,586,258,483	8,780,902,478	9,258,319,390
Chi phí bán hàng	24		1,493,079,999	2,301,700,025	3,888,958,117	6,927,258,246
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,103,803,540	1,447,068,605	3,411,361,639	5,792,972,164
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		454,212,641	-8,271,663,772	2,985,751,823	-10,627,056,947
Thu nhập khác	31		929,322,951	20,500,000	2,122,735,245	3,661,155,934
Chi phí khác	32		1,318,068,258	5,421,110,468	3,297,743,597	5,428,901,587
Lợi nhuận khác	40		-388,745,307	-5,400,610,468	-1,175,008,352	-1,767,745,653
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65,467,334	-13,672,274,240	1,810,743,471	-12,394,802,600
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	0	0	0	0
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		65,467,334	-13,672,274,240	1,810,743,471	-12,394,802,600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)						

Người lập biểu



Phạm Thị Thảo

Kế toán trưởng



Lâm Thị Thu Trang



Tổng giám đốc

Vũ Minh Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ : Tổ 14, phường Quang Trung, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Điện thoại : 0351.851.035

Fax : 0351.855.296

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý IV năm 2013

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		79,137,007,203	72,619,803,297
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(73,039,124,718)	(72,445,848,079)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(6,166,066,300)	(7,593,979,525)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(8,780,902,478)	(9,085,902,893)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		-	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		5,324,781,432	10,825,720,211
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(3,264,210,717)	(1,022,798,056)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6,788,515,578)	(6,703,005,045)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17,673,072,900)	(20,117,229,443)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	(5,253,227,000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			7,590,361,731
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,157,664	2,381,553,785
5. Tiền chi đầu tư vào công ty con			0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17,669,915,236)	(15,398,540,927)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phần của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		151,715,481,923	109,664,190,669
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(125,038,590,659)	(87,624,054,987)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		26,676,891,264	22,040,135,682
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ(50= 20+30+40)	50		2,218,460,450	-61,410,290
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		149,703,236	211,113,526
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ(70 = 50+60+61)	70	VII.34	2,368,163,686	149,703,236

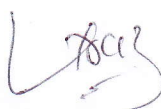
Người lập biểu

Kế toán trưởng

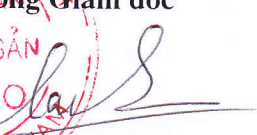
Hà Nam, Ngày 31 tháng 12 năm 2013



Phạm Thị Thảo



Lâm Thị Thu Trang


 Tổng Giám đốc

 Vũ Minh Thành

Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2013

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần tập đoàn khoáng sản Hamico (tiền thân là Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý - doanh nghiệp Nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 737/QĐ-UB ngày 30 tháng 8 năm 2000 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chuyển Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam; đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 22/12/2007 (đăng ký thay đổi lần thứ 7) trên cơ sở sáp nhập hai công ty:

* Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và khoáng sản Hà Nam: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000216 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH khoáng sản Hà Nam.

* Công ty cổ phần bao bì Phú Mỹ : Giấy chứng nhậ đăng ký kinh doanh số 0603000217 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH bao bì Phú Mỹ.

Tổng công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn khoáng sản HAMICO theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700.189.368 do Sở kế hoạch và đầu tư cấp ngày 11/11/2009 (đăng ký thay đổi lần thứ 9).

Địa chỉ trụ sở chính : Tổ 14, Phường Quang Trung, Phủ Lý, Hà Nam.

Hình thức sở hữu vốn : Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại 31/12/2013 là **116.900.000.000** đồng (*Một trăm mười sáu tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn*).

Cơ cấu vốn điều lệ : Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng và khoáng sản Hà Nam: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000216 do Sở kế hoạch và đầu tư cấp ngày 18/11/2007 được chuyển từ Công ty TNHH khoáng sản Hà Nam.

Đối tượng góp vốn	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ
Cổ đông Nhà nước	0	0	0%
Cổ đông khác	11.690.000	11.690.000.000	100%
Tổng cộng	11.690.000	11.690.000.000	100%

2- Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm: Thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất và kinh doanh gạch tuynel.

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản; khai thác, chế biến và chế biến khoáng sản (quặng kim loại, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, chế biến đá, khai thác khoáng hoá chất, phân bón, buôn bán kim loại và quặng kim loại).
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét; sản xuất các sản phẩm gốm sứ, hàng nội thất công trình;
- Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp, mua bán thực phẩm nông sản, đại lý mua bán ký gửi hàng hoá.
- Kinh doanh bất động sản, nhà đất;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy.
- Xây dựng dân dụng, thủy lợi, giao thông đường bộ, công nghiệp, đường dây và trạm biến áp điện có điện áp từ 35 Kv trở xuống, san lấp mặt bằng;
- Sản xuất, lắp ráp mua bán máy điều hoà nhiệt độ, thiết bị nội thất gia đình.
- Đầu tư xây dựng khu công viên văn hoá bao gồm đủ các loại hoạt động thể thao vui chơi, giải trí, kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng, bốc xếp hàng hoá, kinh doanh du lịch.
- Sản xuất và kinh doanh nhãn mác vỏ bao và bao bì đóng gói; và
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh mua bán các loại khoáng chất, khoáng sản phục vụ cho các ngành : công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, phân bón phục vụ nông nghiệp, sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ chế tạo kim loại, sản xuất máy móc thiết bị cho các ngành luyện kim và thông thường phục vụ dân sinh, sản xuất xi măng các loại, sản xuất các sản phẩm từ bê tông (bê tông đúc sẵn, cột bê tông, cọc bê tông).
- Mua bán gạch ngói, xi măng, đá, cát, sỏi, hàng trang trí nội thất, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, máy móc, thiết bị.
- Kinh doanh xuất, nhập khẩu hàng hoá

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (VND).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Tập đoàn được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết: được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại Công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí: Tiền đóng góp giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho Ban quản lý dự án cụm Trung tâm công nghiệp Nam Châu Sơn, TP Phủ Lý để được quyền thuê đất 50 năm; công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính cần phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong thời gian 24 tháng

Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng.

8- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của Tập đoàn sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Tập đoàn Khoáng sản HAMICO.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: tuân thủ 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo hợp đồng và thời gian cung cấp dịch vụ thực tế.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong kỳ là lãi tiền vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25%

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính : đồng)

1 - Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	48.051.037	86.184.207
Tiền gửi ngân hàng	2.320.112.649	63.519.029
Cộng	2.368.163.686	149.703.236

2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn	0	0
Đầu tư ngắn hạn khác	0	0
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	0	0
Cộng	0	0

3 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP khoáng sản Luyện kim màu	0	61.530.277
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	0	0
Phải thu khác	0	1.754.897.032
Cộng	0	1.816.427.309

4 - Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	0	0
Nguyên liệu, vật liệu	27.701.088.461	11.185.240.092
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	121.589.600	69.836.000
Công cụ, dụng cụ	376.954.325	121.591.136
Thành phẩm	8.836.296.128	6.314.315.950
Hàng hoá	99.090.917	110.082.403
Hàng gửi đi bán	0	0
Cộng	37.135.019.431	17.801.065.581

5-Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	0	0
Các khoản phải thu nhà nước	0	0
Cộng	0	0

6- Phải thu dài hạn nội bộ

	31/12/2013	01/01/2013
Cho vay dài hạn nội bộ	0	0
Phải thu dài hạn nội bộ khác	0	0
Cộng	0	0

7- Phải thu dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	0	0
Các khoản tiền nhận uỷ thác	0	0
Cho vay không có lãi	0	0
Phải thu dài hạn khác	0	0
Cộng	0	0

8 – Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	88.547.833.845	20.962.400.710	19.817.569.978	1.772.740.715	131.100.545.248
Mua trong kỳ	34.277.993.255	9.744.000.000	0	125.181.818	44.147.175.073
Đầu tư XD CB hoàn thành	0	0	0	0	0
Tăng do góp vốn	0	0	0	0	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0
Giảm tài sản cố định	2.905.037.370	2.253.538.728	252.383.381	448.542.272	5.859.501.751
Số dư tại ngày 31/12/2013	119.920.789.730	28.452.861.982	19.565.186.597	1.449.380.261	169.388.218.570
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	13.945.794.023	9.475.799.089	7.071.477.341	730.184.223	31.223.254.676
Khấu hao TSCĐ trong kỳ	3.250.120.057	1.681.844.281	656.034.028	145.488.899	5.733.487.265

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, Phường Quang Trung, TP Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam

Tel: 0351.851.035

Fax: 0351.855.296

BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2013

Tăng khác	0	0	0	0	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0
Giảm khác	697.586.504	1.083.784.901	32.447.784	220.407.394	2.034.226.583
Số hao mòn tại ngày 31/12/2013	16.498.327.576	10.073.858.469	7.695.063.585	655.265.728	34.922.515.358
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2013	74.602.039.822	11.486.601.621	12.746.092.637	1.042.556.492	99.877.290.572
Tại ngày 31/12/2013	103.422.462.154	18.379.003.513	11.870.123.012	794.114.533	134.465.703.212

9- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
-----------	---------------------------	----------------------	----------------------------	-----------------------	-----------------	-----------

Nguyên giá TSCĐ thuê TC

Số dư đầu năm	0	0	0	0	0	0
Thuê tài chính trong kỳ	0	0	0	0	0	0
Tăng khác	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số dư tại ngày 30/9/2013	0	0	0	0	0	0

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	0	0	0	0	0	0
Khấu hao trong kỳ	0	0	0	0	0	0
Tăng khác	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số hao mòn tại 30/9/13	0	0	0	0	0	0

G.c.l của TSCĐ thuê TC

Tại ngày 01/01/2013	0	0	0	0	0	0
Tại ngày 31/12/2013	0	0	0	0	0	0

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
-----------	------------------------------	----------------------	----------------------------	--------------------------	--------------	-----------

Nguyên giá TSCĐ vô hình

Số dư đầu năm	0	0	0	0	48.000.000	48.000.000
Mua trong kỳ	0	0	0	0	0	0
Tăng khác	0	0	0	0	0	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, Phường Quang Trung, TP Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam

Tel: 0351.851.035

Fax: 0351.855.296

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2013

Giám khác	0	0	0	0	0	0
Số dư tại ngày 31/12/2013	0	0	0	0	48.000.000	48.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số sử đầu kỳ	0	0	0	0	30.000.000	30.000.000
Khấu hao trong kỳ	0	0	0	0	6.000.000	3.000.000
Tăng khác	0	0	0	0	0	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số hao mòn tại 31/12/13	0	0	0	0	36.000.000	33.000.000
Giá trị còn lại của						
TSCĐ vô hình						
Tại ngày 01/01/2013	0	0	0	0	18.000.000	18.000.000
Tại ngày 31/12/2013	0	0	0	0	12.000.000	15.000.000

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
	0	0
Cộng	0	0

12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
Quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Nhà	0	0	0	0
Nhà và quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Cơ sở hạ tầng	0	0	0	0
Giá trị hao mòn lũy kế	0	0	0	0
Quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Nhà	0	0	0	0
Nhà và quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Cơ sở hạ tầng	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN HAMICO

Địa chỉ: Tổ 14, Phường Quang Trung, TP Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam

Tel: 0351.851.035

Fax: 0351.855.296

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2013

Gtrị còn lại của BĐS đầu tư	0	0	0	0
Quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Nhà	0	0	0	0
Nhà và quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Cơ sở hạ tầng	0	0	0	0

13- Đầu tư tài chính dài hạn**Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2013	01/01/2013*
Công ty CP khoáng sản Luyện Kim Màu	39.580.000.000	39.580.000.000
Cộng	39.580.000.000	39.580.000.000

14- Đầu tư dài hạn khác:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư dài hạn	0	0
Cộng	0	0

15- Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	876.425.085	99.768.000
Tiền đóng góp giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho Ban quản lý dự án cụm Trung tâm công nghiệp Nam Châu Sơn, thị xã Phủ Lý để được quyền thuê đất 50 năm.	423.751.515	453.751.515
Chi phí trả trước dài hạn khác	126.666.668	506.666.668
Bảo hiểm xe ô tô	42.600.000	0
CP sửa xe ô tô	83.954.250	0
Cộng	1.553.397.518	1.060.186.183

16- Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	99.439.515.946	70.154.624.682
Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0
Cộng	99.439.515.946	70.154.624.682

17- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	0	0
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	0	0
Thuế GTGT phải nộp	0	494.363.018
Thuế Tài nguyên	65.680.000	0
Phí Bảo vệ Môi trường	40.320.000	15.728.000
Cộng	106.000.000	866.476.701

18- Chi phí phải trả:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí trích trước chi phí lãi vay phải trả	0	368.883.942
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	0	0
Cộng	0	368.883.942

19- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty khoáng sản Luyện Kim Màu	0	791.600.000
Thủ lao HĐQT và ban kiểm soát	0	103.200.000
Các khoản phải trả khác	0	3.000.000
Cộng	0	897.800.000

20- Phải trả dài hạn nội bộ:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn nội bộ	0	0
Phải trả dài hạn nội bộ	0	0

Cộng	0	0
-------------	----------	----------

21- Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	16.392.000.000	19.000.000.000
Cộng	16.392.000.000	19.000.000.000

22- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
a- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
TSTTN hoãn lại liên quan khoản C.lệch tam thời đc KT	0	0
TSTTN hoãn lại liên quan khoản lỗ tính thuế chưa sd	0	0
TSTTN HL liên quan khoản ưu đãi tính thuế chưa sd	0	0
Khoản hoàn nhập TSTTN hoãn lại đã đc ghi nhận	0	0
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	0
b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
TTN HL phải trả PS từ khoản c.lệch tam thời chịu thuế	0	0
Khoản hoàn TTN HL phải trả đc ghi nhận từ năm trước	0	0
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0

23- Nguồn vốn chủ sở hữu:

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	116.900.000.000	(6.590.095.685)	110.309.904.315
Lãi trong kỳ	0	1.810.743.471	1.810.743.471
Giảm lãi trong kỳ	0	0	0
Số dư cuối 31/12/2013	116.900.000.000	(4.779.352.214)	112.120.647.786

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Quý 4/2013	Quý 3/2012
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	116.900.000.000	116.900.000.000
Vốn góp của nhà nước	0	0
Cộng	116.900.000.000	116.900.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	Quý 4/2013	Quý 3/2012
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	116.900.000.000	116.900.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	116.900.000.000	116.900.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.690.000	11.690.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ khen thưởng phúc lợi	630.863.065	676.363.065
Quỹ đầu tư phát triển	0	0
Quỹ dự phòng tài chính	0	0
Cộng	630.863.065	676.363.065

Mục đích trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi của doanh nghiệp:

Quỹ phúc lợi được sử dụng để đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung xây dựng các công trình phúc lợi công cộng của Công ty; chia cho hoạt động thể thao văn hoá, tham quan, phúc lợi công cộng của tập thể nhân viên trong Công ty. Đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội; trợ cấp thường xuyên, đột xuất cho cán bộ công nhân viên theo thoả ước lao động tập thể...

Quỹ khen thưởng được sử dụng thưởng cho cán bộ công nhân viên trong Công ty và các cá nhân và đơn vị bên ngoài có đóng góp có hiệu quả vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

24-Nguồn kinh phí:

	31/12/2013	01/01/2013
	VNĐ	VNĐ
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	0	0
Chi sự nghiệp	0	0
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	0	0

25- Tài sản thuê ngoài:

	31/12/2013	01/01/2013
	VNĐ	VNĐ
1. Giá trị Tài sản thuê ngoài	0	0
- Tài sản khác thuê ngoài	0	0
- Tài sản cố định thuê ngoài	0	0
2. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của HĐ thuê	0	0
hoạt động TS không huỷ ngang theo các thời hạn	0	0
- Từ 1 năm trở xuống	0	0
- Từ 1 năm đến 5 năm	0	0
- Trên 5 năm	0	0

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Quý IV/2013 VND	Quý IV/2012 VND
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.787.147.882	17.793.204.126
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	21.787.147.882	17.593.204.126
26- Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.787.147.882	17.593.204.126
Trong đó:		
Doanh thu thuần trao đổi, sản phẩm hàng hóa	21.787.147.882	17.593.204.126
28- Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng bán	15.846.471.182	29.006.267.200
Cộng	15.846.471.182	29.006.267.200
29- Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	572.701	2.377.017.689
Cộng	572.701	2.377.017.689
30- Chi phí hoạt động tài chính		
Lãi tiền vay ngắn hạn	2.890.153.221	4.584.541.791
Cộng	2.890.153.221	4.584.541.791
31- Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	0	0
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	0

32- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Quý IV/2013(VND)	Quý IV/2012VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	0	0
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại PS từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	0
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại PS từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	0	0
- Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0

VII. Thông tin về các bên liên quan:**1. Công ty liên kết**

- Công ty liên kết: Công ty CP khoáng sản Luyện Kim Màu
- Địa chỉ: Tổ 4 – Phường Quang Trung – TP phủ Lý – Hà Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0700382548 ngày 03/8/2009
- Vốn điều lệ: 156.880.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi triệu đồng chẵn)
- Vốn góp: 25.23%
- Giá trị vốn góp của Công ty lũy kế đến thời điểm 31/12/2013 là: 39.580.000.000 đồng (Ba mươi chín tỷ, năm trăm tám mươi triệu đồng chẵn)

Trong kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 31/12/2013 giao dịch phát sinh với Công ty CP khoáng sản Luyện Kim Màu là tiền mua bán điện.

Quan hệ thanh toán với Công ty CP khoáng sản Luyện Kim Màu:

Nội dung	Số dư tại 01/01/2013	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư tại 31/12/2013
Phải thu khách hàng	2.110.218.051	831.930.000	2.912.148.051	30.000.000
Đầu tư góp vốn	39.580.000.000	0	0	39.580.000.000

2. Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và ban Tổng giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm
Hội đồng quản trị, ban tổng Giám đốc và ban kiểm soát	Lương, thù lao	714.000.000	52.500.000

3. Báo cáo bộ phận:

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Chỉ tiêu	Khai thác, chế biến và bán bột đá	Sản xuất và bán gạch	Gia công và bán sắt	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	14.993.707.996	23.802.470.200	17.653.080.000	9.756.788.975	66.206.047.171
Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	14.993.707.996	23.802.470.200	17.653.080.000	9.756.788.975	66.206.047.171
Giá vốn	14.373.582.676	22.702.239.590	13.336.953.700	9.701.561.734	60.114.337.700
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (*)	620.125.320	1.100.230.610	35.160.300	55.227.241	1.810.743.471
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	125.181.818	44.021.993.255	0	0	44.147.175.073
Tài sản bộ phận	62.980.470.670	78.655.211.453	69.170.602.860	29.697.823.978	240.504.108.961
Tổng tài sản	62.980.470.670	78.655.211.453	69.170.602.860	29.697.823.978	240.504.108.961
Nợ phải trả bộ phận	30.662.721.500	52.058.798.398	33.509.499.280	12.152.441.997	128.383.461.175
Tổng nợ phải trả	30.662.721.500	52.058.798.398	33.509.499.280	12.152.441.997	128.383.461.175

* Phần lợi nhuận trên không bao gồm lợi nhuận từ hoạt động tài chính.

Hà Nam, ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu



Phạm Thị Thảo

Kế toán trưởng



Lâm Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Vũ Minh Thành